

Bản án số: **78/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 19/4/2021

Vv: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QO

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện QO.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QO tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuỷ Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/4/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện QO, thành phố HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2021 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị V**, sinh năm 1994, ĐKKHKT: Thôn YN, xã ĐQg, huyện QO, thành phố HN; trú tại: Tổ dân phố Ngô Sài, thị trấn QO, huyện QO, thành phố HN. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh **Vũ Văn Ch**, sinh năm 1990; ĐKKHKT và nơi ở: Thôn YN, xã ĐQg, huyện QO, thành phố HN; (Anh Ch vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 21/12/2020, lời khai tại phiên tòa, chị V trình bày:

Về hôn nhân: Tôi kết hôn cùng anh Vũ Văn Ch ngày 22/8/2014, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu và kết hôn có đăng ký tại UBND xã ĐQg, huyện QO, thành phố HN.

Sau kết hôn 2 vợ chồng sống chung cùng gia đình nhà chồng tại Thôn YN, xã ĐQg, huyện QO, thành phố HN, nghề nghiệp vợ chồng đều lao động tự do. Quá

trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn (chưa được 02 năm) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh Ch mãi chơi không quan tâm gì đến vợ con, không chịu khó làm ăn dẫn đến nhiều bất đồng trong cuộc sống (từ kinh tế ảnh hưởng đến tình cảm) và vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Từ khi ly thân, tôi bỏ về nhà để tại tổ dân phố Ngô Sài, thị trấn QO, huyện QO, thành phố HN để ở, vợ chồng không có mối liên hệ gì về tình cảm. Việc mâu thuẫn của vợ chồng 2 bên gia đình đều biết và có nói chuyện để vợ chồng hàn gắn nhưng không đạt kết quả.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin được toà giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để vợ chồng sớm ổn định công việc, nuôi con.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Tự thỏa thuận, trường hợp ly hôn tôi không đề nghị toà giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Vũ Thành T, sinh ngày 11/7/2014, hiện cháu Trung đang ở với anh Ch tại thôn YN, xã ĐQg, huyện QO, thành phố HN. Khi ly hôn do công việc chưa ổn định và anh Ch có yêu cầu được nuôi con nên tôi đồng ý để anh Ch tiếp tục nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con tôi tự có trách nhiệm.

Do tình cảm vợ chồng không còn, tôi tha thiết xin được toà sớm giải quyết cho vợ chồng được ly hôn và không hoà giải nhiều lần.

Về thu nhập của tôi hiện tại 05 triệu /tháng (Lao động tự do).

Tôi cam đoan lời khai trên của tôi là hoàn toàn đúng sự thật và không còn ý kiến gì khác.

Về án phí: Tôi xin nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn: Anh Vũ Văn Ch đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt. Thông qua tin nhắn thì anh Ch cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, ly hôn anh xin được nuôi con. Lý do anh không đến tòa là anh còn có chuyện riêng với cô V chưa giải quyết xong (*nhưng không cho biết chuyện riêng liên quan đến vấn đề gì?*) anh cho rằng trường hợp anh không ra Tòa thì đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị Tạ Thị V và anh Vũ Văn Ch kết hôn ngày 22/8/2014, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu và kết hôn có đăng ký tại UBND xã ĐQg, huyện QO, thành phố HN và có 01 con chung là cháu Vũ Thành T, sinh ngày 11/7/2014, hiện cháu Trung đang ở với anh Ch tại thôn YN, xã ĐQg, huyện QO, thành phố HN.

Sau kết hôn 2 vợ chồng sống chung cùng gia đình nhà chồng tại Thôn YN, xã ĐQg, huyện QO, thành phố HN, nghề nghiệp vợ chồng đều lao động tự do. Quá trình chung sống, chị V và anh Ch có nhiều mâu thuẫn và đến tháng 9/2020 thì chị

V đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị V có đơn đề nghị Tòa án cho ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn và người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy rằng sau khi thụ lý hồ sơ vụ án và nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện QO giải quyết ly hôn. Do đó về thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện QO theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định quy định tại Điều 48; 195; 196 của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không đến Tòa làm việc, có biểu hiện trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28,35; Điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị V. Xử cho chị V được ly hôn anh Ch. Về con chung: Giao cháu Vũ Thành T, sinh ngày 11/7/2014 cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Trung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị V đến khi anh Ch có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác; tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó không đề nghị xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện QO thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân huyện QO, thành phố HN thụ lý, giải quyết nơi bị đơn cư trú tại xã ĐQg, huyện QO, thành phố HN là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án là đúng quy định của Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn, có đủ căn cứ xác định:

Về hôn nhân: Chị Tạ Thị V và anh Vũ Văn Ch, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐQg, huyện QO, thành phố HN ngày 22/8/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị V, anh Ch hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn. Nguyên nhân theo chị V là do bất ĐQ điểm sống, việc làm ăn không thuận lợi, vợ chồng thường xuyên to tiếng, dẫn đến chị V, anh Ch sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay (*anh Ch thông qua tin nhắn cũng cho rằng tình cảm vợ chồng không còn*). Việc mâu thuẫn của vợ chồng 2 bên gia đình đều biết và có nói chuyện để vợ chồng hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Từ khi ly thân vợ chồng anh, chị không còn mối liên hệ gì với nhau về tình cảm, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị V, cho chị Tạ Thị V được ly hôn với anh Vũ Văn Ch.

Về con chung: Chị V và anh Ch có 01 con chung là cháu Vũ Thành T, sinh ngày 11/7/2014 (hiện đang ở với anh Ch). Tại đơn xin ly hôn chị V xin được nuôi con và không đề nghị anh Ch góp phí tổn nuôi con. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chị V cho rằng cháu Trung từ khi ly thân ở với anh Ch vẫn được đảm bảo về ăn, ở và học hành nên trước mắt chị đề nghị Tòa tiếp tục giao cháu Vũ Thành T cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Trung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác; Về góp phí tổn nuôi con chị V cho rằng do anh Ch vắng mặt, không có quan điểm nhưng để chị xin chủ động. Do vậy, cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị V đến khi anh Ch có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung của vợ chồng: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị V, anh Ch có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân Gia đình năm 2014. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tạ Thị V.

1.1. Chị **Tạ Thị V** được ly hôn anh **Vũ Văn Ch**.

1.2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thành T, sinh ngày 11/7/2014 cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi cháu Trung trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị V có quyền đi lại, thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

1.3. Về góp phí tổn nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị V đến khi anh Ch có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

1.4. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Tạ Thị V không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Chị Tạ Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đổi trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0011389 ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QO.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HN;
- VKS huyện QO;
- Chi cục THADS huyện QO;
- UBND xã ĐQG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Trí